

Bản án số: 19 /2025/HS-ST
Ngày 23 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông H Ngọc Hùng và ông Tòng Văn Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Cầm Hải Yên, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Sơn La tham gia phiên toà: Bà Trần Diệu Linh, Kiểm sát viên và ông Phùng Duy Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Tòng Văn H, sinh 20/8/1998; tại: TP Sơn La, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Ổ, xã C, TP Sơn La, tỉnh Sơn La (nay là bản Ổ, phường C, tỉnh Sơn La); nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; trình độ học vấn: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo, đảng phái: không; con ông (không rõ cha) và bà Tòng Thị H, sinh 1979; có vợ Vi Thị H, sinh 2005 và 01 con sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2025 đến nay; có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Công ty T, địa chỉ: Số 05+06A, đường bản Cọ, phường C, tỉnh Sơn La; người đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn T, Giám đốc, nơi cư trú: Tổ 12, phường T, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Người làm chứng:

Chị Vũ Thị Đ, sinh 1979, nơi cư trú: Tổ 3, phường T, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

Chị Vi Thị H, sinh 2005, nơi cư trú: Phang Hạm Cỏ, xã C, tỉnh Sơn La; có mặt.

Chị Tòng Thị H, sinh 1979; Nơi cư trú: bản Ổ, phường C, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/6/2024, Công ty T, mã số thuế 5500259514 (Công ty T) ký hợp đồng lao động số 01/2024 HĐ-LĐ với Tòng Văn H, vị trí việc làm là Nhân viên giao hàng (Shipper). Theo Hợp đồng lao động và Quy chế giao hàng và nộp tiền COD (tiền hàng), H được giao nhiệm vụ bảo vệ, bảo quản tài sản do công ty trực tiếp giao và tài sản khác do khách hàng, đối tác của công ty bàn giao cho người lao động để nộp cho công ty. Công việc cụ thể là nhận các đơn hàng được gửi bằng dịch vụ chuyển phát nhanh từ kho của Công ty T đi giao cho khách, mỗi đơn hàng phải được cập nhật trạng thái giao hàng lên hệ thống ngay sau khi hoàn thành; đối với các đơn hàng chưa thanh toán, H sẽ thu tiền của đơn hàng từ người nhận hàng (giao hàng thu tiền hộ- COD), đối với đơn hàng đã thanh toán (đơn hàng 0 đồng) thì chỉ giao cho người nhận. H có trách nhiệm nộp COD về kế toán (chị Vũ Thị Đ) của Công ty T trước 09 giờ hàng ngày. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, trong các ngày 10/01 và 12/01/2025, Tòng Văn H nhận 34 đơn hàng từ kho của Công ty T, trạng thái đã giao đến khách hàng và thu tiền tổng giá trị là 27.385.598 đồng, nhưng H không nộp tiền về kế toán của công ty; Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Tòng Văn H nộp trả tiền hàng đã thu nhưng H không thực hiện nên ngày 21/3/2025 công ty đã có đơn trình báo đến cơ quan có thẩm quyền điều tra làm rõ.

Thực hiện điều tra thu giữ với Tòng Văn H 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, gắn sim số 0961475030; Tòng Văn H khai nhận: Ngày 10/01/2025, H nhận và giao thành công 09 đơn hàng với tổng số tiền thu 10.723.300 đồng, trong đó có đơn hàng thu số tiền trên 2.000.000 đồng như của H Hải Y, địa chỉ Tổ 7, phường Quyết Tâm, thu số tiền 3.245.000 đồng, Quách Văn H, địa chỉ bản Kham, xã Hua La thu số tiền 2.300.000 đồng. Ngày 12/01/2025, H tiếp tục nhận và giao thành công 24 đơn hàng với tổng số tiền thu 16.662.298 đồng, trong đó có đơn hàng của chị H Thị Yên, địa chỉ Tổ 3, phường Quyết Thắng, thu số tiền 2.981.000 đồng; còn lại 01 đơn hàng thu số tiền 378.000 đồng không giao được cho khách H đã mang về sử dụng. Tổng số tiền hàng đã thu là 27.385.598 đồng, H đã chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tiến hành xác minh làm rõ có 16/34 đơn hàng H nhận thanh toán bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản Ngân hàng MB Bank số 0961457030 tên Vi Thị H (vợ của H) và 17/34 đơn hàng H nhận thanh toán bằng tiền mặt. Kiểm tra dữ liệu điện thoại của H mục danh bạ, tin nhắn, Zalo, Messenger không có thông tin tài liệu; ứng dụng ngân hàng MB Bank, số dư 50.000 đồng; đối với App ứng dụng giao hàng của Công ty T H xác định đã xóa sau khi chiếm đoạt tiền. Chị Vi Thị H xác định H đã mượn căn cước công dân của chị để mở tài khoản và trực tiếp sử dụng, chị H không biết, không liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản của H.

Đối với chị Vũ Thị Đ là kế toán của Công ty T, khai nhận thi thoảng có cho H nộp tiền hàng trước 12 giờ nhưng khi phát hiện vi phạm của H đã thường

xuân đôn đốc H nộp trả số tiền, không hưởng lợi gì từ H phù hợp với lời khai của H.

Ngày 03/7/2025, H đã tác động và nhờ chị Tòng Thị H (mẹ đẻ của H) tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đồng, chuyển đến tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La để bồi thường khắc phục hậu quả. Chị Huân không yêu cầu H phải hoàn lại số tiền.

Bản cáo trạng số 93/CT-VKS-P3 ngày 22/8/2025 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Sơn La truy tố bị cáo Tòng Văn H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi của mình là do ham vui cần tiền chi tiêu cá nhân nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 luận tội và tranh luận: đề nghị tuyên bố bị cáo Tòng Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tòng Văn H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, gắn sim số 0961475030. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc Tòng Văn H phải bồi thường cho Công ty T số tiền 27.385.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho công ty số tiền 10.000.000 đồng được nộp tại tài khoản tạm giữ của Cục thi hành án dân sự tỉnh. **Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14**, buộc bị cáo phải chịu án phí.

Bị cáo Tòng Văn H tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát nhân dân; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại có đơn đề nghị xử vắng mặt, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 27.385.000 đồng và không yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đối đáp tranh luận đều giữ nguyên ý kiến tranh luận, không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về xác định những người tham gia tố tụng: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử có xác định chị Vũ Thị Đ và chị Vi Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuy nhiên qua tranh tụng tại phiên toà xác định họ không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải giải quyết trong vụ án; bị cáo H đã tác động và nhờ chị Tông Thị H tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng, để bồi thường khắc phục hậu quả, chị H không yêu cầu H phải hoàn lại số tiền nên xác định là người làm chứng.

Đương sự Công ty T, người đại diện ông Phạm Văn T và chị Vũ Thị Đ có đơn đề nghị xử vắng mặt; xét thấy lời khai trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, lời khai bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Ngày 01/6/2024, Công ty T ký hợp đồng lao động với Tông Văn H, theo đó bị cáo H được giao nhiệm vụ nhận các đơn hàng được gửi bằng dịch vụ chuyển phát nhanh từ kho của Công ty T đi giao cho khách, mỗi đơn hàng phải được cập nhật trạng thái giao hàng lên hệ thống ngay sau khi hoàn thành và số tiền hàng đã thu có trách nhiệm nộp về kế toán của Công ty T trước 09 giờ hàng ngày. Trong các ngày 10/01 và 12/01/2025, Tông Văn H nhận 02 lần với 34 đơn hàng từ kho của Công ty T, trạng thái đã giao đến khách hàng và thu tiền tổng giá trị là 27.385.598 đồng nhưng H không nộp tiền về kế toán của công ty mà chiếm đoạt sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng nhiệm vụ được giao cố ý trực tiếp 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt, tài sản của Công ty T với tổng số tiền là 27.385.598 đồng, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tông Văn H phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự, tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.00 đồng..., thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: c) Phạm tội 02 lần trở lên”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Bị cáo nhận thức được nhiệm vụ của nhân viên giao hàng nhưng lại không chuyên tâm, tận tụy với nhiệm vụ, lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ham chơi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với mục đích có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã bội tín, tham ô số tiền 27.385.598 đồng. Hành vi tham ô tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với lỗi cố ý trực tiếp, vụ lợi, bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và quyền

sở hữu của công ty nơi bị cáo làm việc; tội phạm bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những làm thiệt hại đến lợi ích vật chất của Công ty T mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội, đề nghị hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại (tác động, nhờ gia đình bồi thường); thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn cải tạo mình thành người tốt); bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự hay phản ánh xấu của chính quyền địa phương về chấp hành chủ trương của Đảng, quy định ở nơi cư trú.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích và nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật theo khoản 4 Điều 92 Luật phòng, chống tham nhũng và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP về nguyên tắc xử lý đối với tội phạm tham nhũng.

[8] Theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo lao động tự do, không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2025 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[10] Đối với chị Vi Thị H có cho H mượn căn cước công dân để mở tài khoản nhưng chị Hoa không biết hành vi chiếm đoạt tài sản của H và chị Vũ Thị Đ là kế toán của Công ty T, thi thoảng có cho H nộp tiền hàng trước 12 giờ nhưng khi phát hiện vi phạm của H đã thường xuyên đôn đốc H nộp trả số tiền, không hưởng lợi gì nên không có cơ sở xử lý.

[11] Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, gắn sim số 0961475030 là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm

tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Tòng Văn H đã chiếm đoạt số tiền 27.385.598 đồng, lỗi hoàn toàn của H nên Công ty T có thay đổi yêu cầu H phải trả lại số tiền 27.385.000 đồng là có căn cứ chấp nhận toàn bộ; Tòng Văn H đã nhờ Tòng Thị H (mẹ đẻ của H) tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng, chuyển đến tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La để bồi thường khắc phục hậu quả nên cần ghi nhận; căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự.

[13] Về án phí: không có tài liệu xác định bị cáo là đối tượng được giảm, miễn nộp tiền án phí nên buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353, Điều 38, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Tòng Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Tòng Văn H 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 25/3/2025; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone Xs Max, gắn sim số 0961475030 của Tòng Văn H (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và cơ quan Thi hành án dân sự).

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc Tòng Văn H phải bồi thường số tiền 27.385.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) cho Công ty T; ghi nhận Tòng Văn H đã nộp số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo uỷ nhiệm chi số 582 ngày 08/8/2025; Tòng Văn H phải bồi thường tiếp số tiền 17.385.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc Tòng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ

thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 869.000 đồng (Tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2025); riêng bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 1- Sơn La;
- CA tỉnh Sơn La (Phòng Hồ sơ, CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà

